

Bản án số:05/2020/HS-ST
Ngày 16-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Thư.

Bà Dương Thị Ngọc Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh HG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BM, tỉnh HG: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh HG, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2020/TLST-HS ngày 20/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2020 đối với:

1. Bị cáo: Chu Văn D; Sinh ngày 20/4/1998; Nơi sinh: Huyện BM, tỉnh HG; Nơi cư trú: Thôn KhN, xã ThT, huyện BM, tỉnh HG; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Chu Văn S, sinh năm 1956 (đã chết) và con bà: Phùng Thị Ch, sinh năm 1959; Có 6 chị em ruột, bị cáo là con thứ 6 trong gia đình; Có vợ: Giàng Thị H, sinh năm 1998 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện tại ngoại theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 01/2020/HSST-QĐ, ngày 02/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh HG (Có mặt).

2. Bị hại: UBND xã ThTân, huyện BM, tỉnh HG.

Người đại diện theo giấy ủy quyền ngày 04/02/2020 của Chủ tịch UBND xã Thượng Tân: Ông Hoàng Văn T - Phó Chủ tịch UBND xã.

Nơi công tác: UBND xã ThT, huyện BM (Có mặt).

3. Người làm chứng

- Anh: Triệu Văn Ngh; Sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn KhN, xã ThT, huyện BM, tỉnh HG (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2019 Chu Văn D, gọi điện cho Triệu Văn Ngh (*anh em họ hàng với nhau*) cùng thôn hỏi mượn máy cưa xăng Ngh đồng ý. Sau đó D đi bộ đến nhà Ngh mượn máy cưa, khi đến nơi Ngh hỏi “mượn máy cưa làm gì” D trả lời “mượn máy cưa đi cắt gỗ làm nhà” Ngh không hỏi nữa đi vào nhà lấy 01 chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL màu cam - trắng cùng lam xích đưa cho D, mượn được máy cưa D đi về nhà và mang theo 01 chai nhựa màu xanh loại 1,5 lít đựng xăng đi lên khu rừng “ Lũng Miều” gọi theo tiếng địa phương thuộc thôn KhN, xã ThT, huyện BM tìm cây gỗ nghiêng khoảng 30 phút D phát hiện 01 cây gỗ nghiêng còn tươi, đứng D đến gần gốc cây, đổ xăng vào máy cưa và cắt phần gốc khoảng 20 phút thì cây gỗ nghiêng đổ, sau đó D thu dọn công cụ mang về nhà xong đến nhà anh Ngh trả máy cưa.

Ngày 09/12/2019 Hạt kiểm lâm huyện BM nhận được tin báo quần chúng nhân dân tiến hành kiểm tra, xác minh.

Ngày 10/12/2019 Chu Văn D đến UBND xã ThT đầu thú về hành vi khai thác cây gỗ nghiêng và giao nộp cho UBND xã ThT 01 chai nhựa màu xanh loại 1,5 lít.

Ngày 10/12/2019 Triệu Văn Ngh biết tin Dương ra đầu thú đến Hạt kiểm lâm huyện BM nộp 01 máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL kèm theo lam xích.

Ngày 27/12/2019 Hạt kiểm lâm huyện phối hợp các ngành chức năng khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ khai thác lâm sản trái phép, xác định vị trí cây gỗ Nghiến D khai thác thuộc tiểu khu 162B, khoảnh 04, lô 15; Đối tượng rừng: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt) do UBND xã ThT, huyện BM quản lý. Đồng thời thu giữ 01 cây gỗ nghiêng còn nguyên chưa bị cắt xẻ tại hiện trường tổng khối lượng là $14,217\text{m}^3$ (gỗ tròn).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01 ngày 22/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện BM kết luận: 01 thân cây gỗ nghiêng khối lượng (gỗ tròn) là $14,217\text{m}^3 \times 7.500.000\text{đ}/\text{m}^3 = 106.627.500\text{đ}$ (*Một trăm linh sáu triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Tang vật vụ án cơ quan điều tra thu giữ: 01 cây gỗ nghiêng nhóm IIA khối lượng $14,217\text{m}^3$. Hiện tạm giao cho UBND xã ThT, huyện BM quản lý; 01 máy cưa xăng màu cam trắng, nhãn hiệu STIHL, 01 lam máy cưa màu xám - đen, 01 xích máy cưa; 01 chai nhựa màu xanh trên trai có ký hiệu NSX 170119 A10; HSD 17071932A.

Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, xác định vật chứng 01 máy cưa xăng màu cam trắng, nhãn hiệu STIHL, máy cũ đã qua sử dụng, 01 lam máy cưa màu xám - đen, lam cũ đã qua sử dụng, 01 xích máy cưa, xích cũ đã qua sử dụng của Triệu Văn Ngh, khi Ngh cho D mượn không biết D sử dụng vào mục đích đi cắt cây gỗ nghiêng. Ngày 03/02/2020 Nghề có đơn xin lại tài sản, Xét thấy vật chứng trên là tài sản hợp pháp của Triệu Văn Ngh Cơ quan CSĐT Công an huyện BM ra quyết định xử lý vật chứng số 03 ngày 03/02/2020 trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện UBND xã ThT, huyện BM không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa lời khai của bị cáo, bị hại UBND xã ThT, người làm chứng có mặt khai, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, biên bản tạm giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 20/02/2020 của VKSND huyện BM truy tố Chu Văn D về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện VKS giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử.

- *Tuyên bố bị cáo:* Chu Văn D phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

- *Hình phạt:* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS. Xử phạt bị cáo Chu Văn D từ 12 tháng đến 16 tháng tù.

- *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng thi hành án, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập xử lý.

- *Về vật chứng:* Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 cây gỗ nghiến còn nguyên chưa bị cắt xẻ tại hiện trường tổng khối lượng là 14,217m³ (gỗ tròn).

Tịch thu tiêu hủy: 01 chai nhựa màu xanh trên trai nhựa có ký hiệu NSX 170119 A10; HSD 17071932A.

- *Về án phí:* Bị cáo được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tranh luận tại phiên tòa

Bị cáo và bị hại đồng ý với quan điểm của KSV đề nghị về tội danh và về trách nhiệm dân sự. Nhưng về hình phạt bị cáo đối đáp Kiểm sát viên xin hưởng án treo và bị hại cũng xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình khó khăn, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BM, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện BM, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Ngày 13/3/2020 Tòa án huyện đã mở phiên tòa nhưng bị hại UBND xã ThT vắng mặt Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nên ngày 16/3/2020 Tòa án tiến hành mở lại phiên tòa xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Tháng 9/2019 Chu Văn D có hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ nghiêng nhóm IIA tổng khối lượng là $14,217\text{m}^3$ thuộc tiểu khu 162B, khoảnh 04, lô 15; Đối tượng rừng: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt) do UBND xã ThT, huyện BM quản lý. Kết luận định giá tài sản 01 thân cây gỗ nghiêng khối lượng (gỗ tròn) là $14,217\text{m}^3 \times 7.500.000\text{đ}/\text{m}^3 = 106.627.500\text{đ}$. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* theo điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo biết rằng việc khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật, biết vị trí khai thác gỗ rừng sản xuất là rừng tự nhiên thuộc UBND xã Thượng Tân quản lý, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Trong khi đó bị cáo là người có hiểu biết trình độ học vấn 11/12. Trong khi cả nước phát động phong trào trồng cây phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chống sói mòn sạt lở, chính gia đình bị cáo cũng được trực tiếp hưởng lợi nhận tiền chăm sóc bảo vệ rừng do Nhà nước chi trả năm 2019 là 478.653đồng Huyện đã có nhiều giải pháp quyết liệt để bảo vệ rừng, nhưng việc khai thác gỗ trái phép trên địa bàn vẫn diễn ra rất phức tạp ngày càng tinh vi hơn, hiện Bắc Mê hằng năm đưa ra xét xử về tội khai thác gỗ trái phép nhiều hơn. Bị cáo bất chấp pháp luật ngang nhiên cắt hạ 01 cây gỗ nghiêng khối lượng $14,217\text{m}^3$, gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường rừng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, dân sự, nhận thức được hành vi khai thác gỗ không có giấy phép là trái pháp luật, nhưng vì mục đích lợi ích cá nhân khai thác gỗ trái phép để làm nhà. Nên cần xử lý bị cáo bằng chế tài Luật hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Do đó, cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định, để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm chung, để nhắc nhở những người khác có ý định như bị cáo.

Bị cáo đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục ra quyết định áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Chu Văn D theo quy định tại Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với Triệu Văn Ngh cho bị cáo D mượn máy cưa xăng kèm lam, xích để D cắt hạ cây gỗ nghiêng, trong quá trình mượn máy cưa xăng D không nói cho Ngh biết mục đích đi cắt hạ cây gỗ nghiêng, Ngh cũng không tham gia bàn bạc hứa hẹn, không được hưởng lợi và không trực tiếp cùng D đi cắt hạ cây gỗ nghiêng do đó không có cơ sở để xử lý đối Ngh trong vụ án này.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong vụ án, không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Chưa có tiền án, tiền sự. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo cũng được coi thêm tình tiết giảm nhẹ khác sau khi bị phát hiện bị cáo đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[4] Từ những căn cứ trên, xét thấy, mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo về hình phạt, xử lý vật chứng, miễn hình phạt bổ sung phạt tiền và miễn án phí đối với bị cáo có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quy định tại khoản 4 Điều 232 BLHS thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo là người dân lao động thuần túy, thu nhập không ổn định, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

- Đối với 01 cây gỗ nghiêng còn nguyên chưa bị cắt xẻ tại hiện trường tổng khối lượng 14,217m³ (gỗ tròn), cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 chai nhựa màu xanh của bị cáo dùng đựng xăng là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 máy cưa xăng màu cam trắng, 01 lam máy cưa, 01 xích máy cưa của Triệu Văn Ngh cho bị cáo D mượn, Nghê không biết bị cáo sử dụng vào mục đích đi cắt cây gỗ nghiêng. Cơ quan CSĐT Công an huyện BM đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật. Nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Chu Văn D có đơn đề nghị miễn nộp án phí được chính quyền nơi cư trú chứng nhận thuộc hộ nghèo sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là người dân tộc thiểu số nên được miễn toàn bộ án phí.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Chu Văn D phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 38; Điều 50 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Chu Văn D **12 (Mười hai)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) cây gỗ nghiêng nhóm IIA có tổng khối lượng là 14,217m³ (gỗ tròn) toàn bộ số gỗ đang ở hiện trường thuộc lô 15, khoanh 4, tiểu khu 162B thuộc địa phận Thôn KhN, xã ThT, huyện BM, tỉnh HG.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chai nhựa màu xanh trên trai nhựa có ký hiệu NSX 170119 A10; HSD 17071932A cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/02/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BM và Chi cục Thi hành án dân sự huyện BM).

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Chu Văn D được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện + tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện BM;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Nhà tạm giữ Công an huyện BM;
- Cơ quan THAHS CA huyện BM;
- Chi cục THADS huyện BM;
- Bị cáo;
- Bị hại UBND xã Thượng Tân;
- Lưu: Hồ sơ vụ án & Hồ sơ THA HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công